

## Unit 19: What animal do you want to see?

### Bài 1: Viết các từ vựng bằng tiếng anh

|           |  |        |  |         |  |
|-----------|--|--------|--|---------|--|
| Voi       |  | Hổ     |  | Đáng sợ |  |
| Chuột túi |  | Cá sấu |  | To, lớn |  |
| Ngựa vằn  |  | Gấu    |  | Đẹp     |  |
| Khỉ       |  | Xấu    |  | Nhanh   |  |

### Bài 2: Sắp xếp từ cho đúng

|                          |                            |
|--------------------------|----------------------------|
| <b>t g e i r s</b>       | <b>m y s n e o k</b>       |
|                          |                            |
| <b>g u l y</b>           | <b>o o c c i e d l r s</b> |
|                          |                            |
| <b>b z r a e s</b>       | <b>r a e b s</b>           |
|                          |                            |
| <b>a a o o k g r s n</b> | <b>h s t e e a l p n</b>   |
|                          |                            |

### Bài 3: Sắp xếp thành câu đúng

1. you / see / What / do / animal / want / to / ? /

2. see / I / kangaroos / to / want / . /

3. like / they / rabbits / because / I / are / cute / . /

4. crocodiles / I / like / because / don't / ugly / they / scary / are / and / . /